

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm.

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2023/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2023/TB-TA ngày 26 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh ngày 20/7/1993,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Singapore.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh ngày 06/02/1990,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H1, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, có đơn và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 04/4/2011. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì chị đi lao động tại Đài Loan, năm 2019 anh S đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng mỗi người ở một nước nên không có sự gần gũi, chia sẻ, gắn bó, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Năm 2022 hết hạn hợp đồng chị về nước, anh S cũng về phép thăm gia đình, vợ chồng gặp nhau sau nhiều năm xa cách nhưng tình cảm không còn mặn nồng. Hết thời gian nghỉ phép anh S lại sang Nhật Bản làm ăn, tháng 11/2022 chị sang lao động tại Singapore, đến nay anh, chị đều chưa về nước. Vợ chồng có thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2012, hiện con đang ở với bà ngoại là bà Đào Thị H1. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho bà Đào Thị H1 chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị C đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh S nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh S. Bà Phùng Thị T (mẹ đẻ anh S) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh S vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết, anh S trình bày không mong muốn vợ chồng ly hôn, anh đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H không nghe. Nay chị H cương quyết xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, anh nhất trí để chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và nhất trí việc chị H

tự nguyện không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam anh nhất trí giao con cho bà Đào Thị H1 chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Đào Thị H1 nhất trí thay chị H chăm sóc cháu Đỗ Thị Kim N cho đến khi chị H về nước và không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu N.

Con chung của chị H và anh S1 là cháu Đỗ Thị Kim N có nguyện vọng được ở với chị H và bà ngoại.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh S đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương được một thời gian thì chị H và anh S cùng đi lao động ở nước ngoài, tuy nhiên mỗi người ở một nước khác nhau, đến nay anh chị cùng chưa về nước, vợ chồng có thời gian dài sống xa cách. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Đỗ Văn S. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2012 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Đỗ Thị Kim N cho bà Đào Thị H1 chăm sóc trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị H và bị đơn anh Đỗ Văn S có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện chị H đang lao động tại Singapore, anh S đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể

của anh S. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh S cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T là mẹ đẻ anh S để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh S đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà T vẫn thường xuyên liên lạc với anh S và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh S. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh S và bà T đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Đỗ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 04/4/2011 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị H đi lao động tại Đài Loan, năm 2019 anh S đi lao động ở Nhật Bản. Năm 2022, vợ chồng cùng về nước nhưng tình cảm không còn mặn nồng. Anh S tiếp tục sang Nhật Bản làm ăn, còn chị xuất cảnh lao động tại Singapore vợ chồng tiếp tục xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Thông qua gia đình anh S cũng xác định đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng không có kết quả, nay chị H có đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đinh Thị H và anh Đỗ Văn S có 01 con chung là Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2012. Chị H và anh S cùng thống nhất giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Con chung Đỗ Thị Kim N có nguyện vọng được ở với chị H và bà H1, chị H ủy quyền cho bà Đào Thị H1 chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước, anh S cũng nhất trí giao con cho bà H1 chăm sóc trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao con chung Đỗ Thị Kim N cho bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh S xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H ly hôn anh Đỗ Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đinh Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 03/11/2012 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Đỗ Thị Kim N cho bà Đào Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004895 ngày 05/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Vũ Thị C nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị H và anh Đỗ Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Đỗ Thị H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường